

RELATIONSHIP BETWEEN WOMEN AND PLANTS IN THE TRADITIONAL VIETNAMESE FOLK - SONGS

Pham Van Hoa

Dalat University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 13/12/2023</p> <p>Revised: 01/3/2024</p> <p>Published: 01/3/2024</p>	<p>The purpose of the article is to affirm the uniqueness of content, and art of folk songs about women when reflecting on the relationship between ecology and feminism, opening up an approach to the genre in complex view. The article has profound implications for future research approaching folk literary genres from an ecofeminism perspective. Applying some methods such as interdisciplinary approach to literature and culture, comparison, statistics, system and analysis and synthesis operations, this article contributes to deepening and discovering the unique features of Vietnamese folk songs from an eco-feminism perspective and refers to semiotics. The article proceeds Vietnamese folk songs from prestigious collection works. The article has pointed out the relationship between plants and women in folk songs, specifically, the conscious selection of plants as artistic images: plants symbolize a woman's quality, soul, and life; Plants represent feminine consciousness. The article shows women and feminine discourse through vividly expressed images of plants. The unique relationship between plants and women is the source of humanistic thought for future literature, a model of symbiotic harmony between humans and nature.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Folk songs</p> <p>Women</p> <p>Plant</p> <p>Relationship</p> <p>Imagery</p> <p>Feminism</p>	

MỐI LIÊN QUAN GIỮA THỂ GIỚI CỎ CÂY VỚI PHỤ NỮ TRONG CA DAO TRUYỀN THỐNG

Phạm Văn Hóa

Trường Đại học Đà Lạt

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 13/12/2023</p> <p>Ngày hoàn thiện: 01/3/2024</p> <p>Ngày đăng: 01/3/2024</p>	<p>Mục đích của bài báo khẳng định nét độc đáo về nội dung, nghệ thuật của ca dao viết về phụ nữ khi soi chiếu từ mối quan hệ giữa sinh thái và nữ quyền, mở ra cách tiếp cận thể loại này trong cái nhìn phức hợp. Bài viết có ý nghĩa sâu sắc đối với nghiên cứu tiếp cận thể loại văn học dân gian từ góc nhìn nữ quyền sinh thái trong tương lai. Áp dụng các phương pháp như tiếp cận liên ngành văn học – văn hóa, so sánh, thống kê, hệ thống và các thao tác phân tích, tổng hợp, bài viết góp phần đào sâu, phát hiện những nét độc đáo của ca dao người Việt từ góc nhìn nữ quyền sinh thái và đề cập đến kí hiệu học. Bài viết lựa chọn ca dao người Việt từ công trình sưu tầm uy tín. Bài viết cho thấy mối quan hệ giữa cỏ cây với nữ giới trong ca dao, cụ thể ở việc lựa chọn cỏ cây như hình tượng nghệ thuật có ý thức: cỏ cây biểu tượng phẩm chất, tâm hồn, cuộc đời người phụ nữ; cỏ cây thể hiện ý thức nữ tính. Bài viết cho thấy người phụ nữ và diễn ngôn nữ tính thông qua hình tượng cỏ cây được thể hiện một cách sinh động. Mối liên hệ mang tính đặc thù này là cội nguồn tư tưởng nhân văn cho văn học hậu thế, là hình mẫu của sự hòa hợp cộng sinh giữa con người với tự nhiên.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Ca dao</p> <p>Phụ nữ</p> <p>Cỏ cây</p> <p>Liên quan</p> <p>Hình tượng</p> <p>Nữ tính</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9356>

Email: hoapv@dlu.edu.vn

1. Giới thiệu

Ca dao không chỉ phản ánh nhiều mặt của đời sống xã hội người Việt cổ: sản xuất nông nghiệp, tình yêu hôn nhân, ứng xử xã hội,... mà còn cho thấy một hệ thực vật quen thuộc gắn với môi trường lao động của nhân dân, thấy được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên cũng như bản thân con người trong mối quan hệ đó. Trước nay, một số nhà nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề này. Bài viết “Thiên nhiên thực vật ruộng vườn trong ca dao dân ca Bắc Bộ” đã thể hiện sự phong phú của hình tượng thiên nhiên, phản ánh sự “thích ứng” với mọi tác động ảnh hưởng của con người và tự nhiên vùng đất này [1]. Bài viết “Cái đẹp của thiên nhiên và phong cảnh trong ca dao truyền thống” phân tích cách con người cảm nhận về đẹp của thế giới thiên nhiên xung quanh mình. Bài viết này chỉ ra đặc điểm của những rung động thẩm mỹ trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, trong cách đề cao, khen ngợi những cảnh vật được ưa thích [2]. Trong bài viết “Biểu tượng thiên nhiên trong ca dao Trung Bộ”, Nguyễn Thị Kim Ngân khai thác các biểu tượng thiên nhiên đã góp phần tạo nên đặc sắc của ca dao Trung Bộ nói riêng và làm đa dạng hơn kho tàng ca dao người Việt nói chung. Nghiên cứu biểu tượng trong ca dao miền Trung cũng là một cách tiếp cận với thi pháp ca dao, giúp hiểu thêm đặc điểm tư duy nghệ thuật ca dao và xa hơn là hiểu thêm thế giới tinh thần của con người cũng như bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền qua ca dao [3]. Trịnh Viết Toàn [4] chứng minh trong ca dao Việt Nam, hoa mang ý nghĩa biểu trưng riêng cho cái đẹp, sự tinh khiết trắng trong, phẩm chất cao quý, sức sống mạnh mẽ và tình yêu, hạnh phúc của con người nói chung và hình tượng hoa trong ca dao cổ truyền đều mang dấu ấn của truyền thống, văn hóa dân tộc. Tác giả Hà Thị Quế Hương chứng minh dấu ấn văn hoá nông nghiệp được thể hiện đậm nét trong tục ngữ, ca dao về mối quan hệ và ứng xử rất gần gũi và hòa đồng của con người với thiên nhiên [5]. Bài viết “Ẩn dụ về con người trong ca dao Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa” đã tiến hành khảo sát ca dao Việt Nam dưới góc độ văn hóa nông nghiệp để tìm ra những ẩn dụ về con người Việt Nam [6]. Ngô Thị Thanh Quý [7] bàn sâu về vấn đề ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng gắn với tự nhiên trong ca dao người Việt. Áp dụng một số phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, bài viết [8] trình bày một số nét đặc trưng của văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong ca dao vùng hạ lưu sông Cửu Long. Đề cập đến cây cỏ trong ca dao còn có bài viết “Ẩn dụ tri nhận phụ nữ là cây cỏ” của Lê Đức Luận - Phạm Thị Kiều Oanh [9]. Nhìn chung, các công trình trên đã đặt thiên nhiên trong quan hệ với các đề tài cơ bản và thế giới nghệ thuật ca dao, nhưng các nghiên cứu này chỉ đề cập đến hệ thực vật như một biểu tượng nghệ thuật, hay ẩn dụ nghệ thuật trong mối quan hệ với nhân vật trữ tình, và cố gắng khẳng định sắc thái văn hóa vùng được phản ánh qua hình tượng thiên nhiên, chưa có công trình nào đề cập mối quan hệ giữa thế giới cỏ cây với phụ nữ dưới góc nhìn nữ quyền sinh thái. Mặc dù vậy, các công trình trên đủ để chứng tỏ cỏ cây là một hình thức quan trọng nối kết con người với tự nhiên trong thời kỳ xa xưa. Trong ca dao người Việt, chúng ta nhận thấy nữ giới với cỏ cây có mối quan hệ không thể tách rời. Ca dao tạo ra hệ thống song trùng giữa nữ giới - tự nhiên khi so sánh người phụ nữ với cỏ cây. Người phụ nữ trong ca dao là người mẹ, người vợ, người chị, người em gái, người bạn gái... Dân gian xây dựng hệ thống kí hiệu tạo nghĩa giữa người phụ nữ và cỏ cây. Đặc biệt, hệ thống kí hiệu song trùng này không chỉ được dân gian sử dụng trong việc miêu tả về đẹp của người phụ nữ mà còn được sử dụng để thể hiện hoàn cảnh, thân phận và cuộc đời họ. Bài viết mang đến cái nhìn hệ thống về mối quan hệ giữa thế giới cỏ cây với phụ nữ dưới góc nhìn nữ quyền sinh thái.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tiếp cận mối liên hệ giữa hình ảnh cỏ cây với hình tượng người phụ nữ Việt Nam, bài viết sử dụng chủ yếu là các phương pháp: liên ngành văn học - văn hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, nghiên cứu loại hình, thi pháp học, nghiên cứu hệ thống – cấu trúc. Trên cơ sở vận dụng các phương pháp trên, từ góc nhìn nữ quyền sinh thái và đề cập đến kí hiệu học, tác giả hy vọng mang lại những kết quả khoa học mới mẻ. Bài báo thông qua khảo sát 637 bài ca dao đề cập đến cỏ cây trong các công trình sưu tầm của Nguyễn Xuân Kính, Vũ Ngọc Phan, Ninh Viết Giao,

Huỳnh Ngọc Trảng, La Mai Thi Gia [10] - [16] làm sáng tỏ mối liên hệ giữa hình ảnh cỏ cây với hình tượng người phụ nữ Việt Nam, đồng thời góp phần đào sâu mối quan hệ văn hóa giữa tự nhiên với nữ tính.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hình tượng người phụ nữ qua biểu tượng cỏ cây

Tự nhiên là điều kiện sinh tồn của con người, từ trong tự nhiên con người tìm kiếm thức ăn, sự che chở, trú ngụ. Con người và các loài sinh vật gắn bó mật thiết với nhau trong không gian cộng sinh. Việt Nam là đất nước nằm trong vùng khí hậu “nóng ẩm, mưa nhiều và có gió mùa gắn với hằng số tự nhiên của văn hoá vùng Đông Nam Á và chính nó đã góp phần tạo nên đặc trưng của văn hoá Việt Nam – nền văn minh thực vật hay nền văn minh lúa nước” [17, tr.17]. Cho đến cuối thế kỉ XIX, Việt Nam vẫn là nước nông nghiệp tiểu nông tự cấp tự túc với trồng lúa nước là ngành kinh tế chủ đạo. Các thần thoại dân gian về bà mẹ lúa cùng với tín ngưỡng dân gian thờ nữ thần còn khá phổ biến cho tới tận ngày nay đã phản ánh công lao của phụ nữ trong việc phát minh ra nghề nông cũng như vai trò quan trọng của họ trong sản xuất nông nghiệp. Văn hoá nông nghiệp lúa nước gắn với tín ngưỡng phồn thực là một đặc trưng nổi trội của văn hoá Việt Nam. Nền sản xuất nông nghiệp phát triển không ổn định, do sức sản xuất thấp, năng suất sản xuất bị sức mạnh tự nhiên đe dọa. Trong xã hội xưa, đời sống con người hết sức dựa dẫm vào tự nhiên.

Do đặc trưng về thể trạng của nam giới và nữ giới khác nhau dẫn đến sự phân công lao động xã hội không bình đẳng. Trong xã hội xưa, nam giới thường đảm nhận những công việc đòi hỏi sức mạnh thể chất. Nữ giới thì đảm đương sứ mệnh quan trọng là bảo tồn nòi giống, thường tham gia công việc nuôi trồng, sản xuất nông nghiệp. Sự phân công lao động xã hội như thế càng gia tăng mối liên hệ giữa cỏ cây với người phụ nữ. Các bài ca dao nói về hoạt động lao động nông nghiệp có bóng dáng của người phụ nữ, thì họ đều gắn liền với cỏ cây. Tình yêu của họ đến từ trong lao động và trong lao động họ tìm đến với tình yêu: “Cô kia cắt cỏ một mình/ Cho anh cắt với chung tình làm đôi”, “May sao may khéo là may/ Thấy nàng gặt lúa anh nay tìm vào”, “Cây mù u bông trắng lá xoắn nhị quỳnh/ Thấy em đi cấy một mình anh thương”, “Em về hái lá rau mơ/ Thương anh chín đợi mười chờ ngóng trông”. Cỏ cây và không gian thiên nhiên ấy chính là cầu nối cho tình yêu của cô gái, nó cũng chính là trái tim của người con gái kia. Trong sự gần gũi với tự nhiên, người phụ nữ nông thôn Việt Nam hiện lên nét phúc hậu, chất phác.

Người phụ nữ xưa tô điểm “má hồng, môi đỏ” bằng ăn trầu. Nét cười duyên dáng của hàm răng đen huyền do tục ăn trầu, nhuộm răng đen đã từng trở thành tiêu chí để xác định “nét đẹp” của giới nữ trong xã hội truyền thống: “Có trầu mà chẳng có cau/ Làm sao cho đỏ môi nhau thì làm”. Do trong thời gian dài gắn bó, thiên nhiên cây cỏ và người phụ nữ nảy sinh liên hệ đặc biệt, hòa lẫn vào nhau: “Già thì đặc bí đặc bì/ Con gái đương thì rỗng toách toanh toanh” (câu đố dân gian về cau già và lúc cau hoa); “Cái gì vừa quả vừa hoa/ Con nít cũng thích ông già cũng mê/ Ra đường dù thấy trần trê/ Ngắm nhìn thì được, mân mê thì đừng” (câu đố hai “đào tiên”),... Người con gái đang yêu trở nên mẫn cảm với cỏ cây: “Lan huệ sầu ai lan huệ héo/ Lan huệ sầu tình trong héo ngoài tươi”. Cây cỏ thiên nhiên là nơi gửi gắm tình cảm của họ: “Hai tay cầm bốn trái dưa/ Trái ăn trái để trái dưa cho chàng”, “Cây đa trước miếu cây đa tàn/ Bao nhiêu lá rụng em thương chàng bấy nhiêu”. Cỏ cây trong ca dao là nơi những nhân vật nữ tìm đến khi họ muốn chia sẻ những buồn đau khó nói: “Vườn đào, vườn lựu vườn lê/ Bởi người lấy nhụy bướm xê ra ngoài”. Ca dao mượn cây cỏ thiên nhiên thể hiện thái độ trêu chọc, pha trò không kém phần bạo dạn, tinh nghịch với chàng trai hay cô gái trong những cuộc gặp gỡ hát ca, hay hẹn hò: “Cau già quá lứa bán trăm/ Chị nọ lỡ lứa biết nằm với ai - Cau già quá lứa bỏ phơi/ Chị đây lỡ lứa nằm phơi cho giòn”, “Nghe tiếng anh ăn học bên Tàu/ Em hỏi anh vậy chứ cây đào có mấy bông?”, “Bây giờ mặn mới hỏi đào/ Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?/ Mặn hỏi thì đào xin thừa/ Vườn hồng có lỗi nhưng chưa ai vào”. Hình ảnh cỏ cây ở đây mang thông điệp tình cảm của người phụ nữ. Trong bài ca sau, lời chối từ thẳng thắn của cô gái cũng mượn cỏ cây gửi gắm: “Gặp em giữa chốn vườn đào/ Ướm lời hỏi bạn, nghèo giàu chọn ai? - Anh đừng vạch vách phá rào/ Vườn quê mới lập, lựu với đào còn

non”. Xây dựng hình ảnh người phụ nữ trong mối giao cảm với cỏ cây là một nội dung xuyên suốt trong sáng tác ca dao. Họ hòa hợp với cây cỏ một cách trọn vẹn, như thể trở về với thiên nhiên, họ được trở về với chính mình. Từ gắn bó với cuộc sống phụ nữ, cỏ cây trở thành biểu tượng phẩm chất người phụ nữ, gửi gắm tâm tư, tình cảm của họ, kiến tạo thế giới tâm hồn phong phú của họ.

3.2. Cỏ cây - kí hiệu nghệ thuật độc đáo về phụ nữ

Cỏ cây không chỉ hòa vào đời sống người phụ nữ, mà nó còn được xem là ngôn ngữ biểu đạt nghệ thuật. Quá trình sinh trưởng của cỏ cây có những sự tương đồng nhất định với cuộc đời người phụ nữ. Cỏ cây cũng tượng trưng cho vẻ đẹp, tâm tư tình cảm và số phận của người phụ nữ.

3.2.1. Cỏ cây là biểu tượng cho phẩm chất phụ nữ

Ca dao người Việt thường lấy cỏ cây để ví với diện mạo, dáng dấp của người con gái. Điều này không chỉ thể hiện người xưa có thái độ sùng bái và kính yêu tự nhiên, mà nó cũng phản ánh người xưa theo đuổi vẻ đẹp giản dị tự nhiên, hài hòa với tự nhiên. Trong số 637 bài ca dao đề cập đến cỏ cây, có 173 bài dùng hình ảnh cỏ cây miêu tả vẻ đẹp ngoại hình (chiếm 27,2%, phạm vi khảo sát đã giới hạn ở Phương pháp nghiên cứu). Vẻ đẹp của thiên nhiên đã hòa quyện với vẻ đẹp của người con gái: “Cổ tay em trắng như ngà/ Con mắt em liếc như là dao cau/ Miệng cười như thể hoa ngâu/ Cái khăn đội đầu như thể hoa sen/ Gặp em cũng muốn làm quen”, “Chẳng thơm cũng thể hoa nhài/ Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An”. Người bình dân đã lấy đặc tính, hương thơm, sắc màu của cỏ cây để ví với dáng vẻ thanh xuân, nét đẹp dịu dàng, sắc vóc quyến rũ, tư thế thanh lịch, tâm hồn tao nhã, phẩm chất trong trắng của thiếu nữ: “Trúc xinh trúc mọc đầu đình/ Em xinh em đứng một mình cũng xinh”, “Thân em như củ ấu gai/ Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen/ Ai ơi nếm thử mà xem/ Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi”, “Thân em như bông bưởi trắng rông/ Mùi thơm nức mũi mà lòng sạch trong”, “Thân em như trái hạnh/ Rành rành đang tròn/ Dẫu sương dầm gió dãi vẫn không mòn tiết xuân”, “Người mà con mắt lá răm/ Chân mày lá liễu đáng trăm quan tiền”... Vẻ đẹp phụ nữ được tạo hóa ban tặng, tự họ thấy cần phải tôn vinh và sau đó, để mọi người chiêm ngưỡng, tôn vinh. Qua đây, chúng ta thấy người phụ nữ có nhu cầu khám phá và bộc lộ mình. Và điều này thể hiện tiêu chuẩn thẩm mỹ về vẻ đẹp nữ tính trong con mắt của người xưa. Cỏ cây góp phần cho thấy người phụ nữ ý thức được vẻ đẹp, sức hấp dẫn giới tính: “Thân em như thể trái chanh/ Lắt léo trên cành nhiều kẻ ước ao”, “Em như táo rụng sân đình/ Anh như gái rở đi rình của chua”, “Thân em như trái chuối tiêu/ Ngọt bùi dành để thương yêu vì người”, “Thân em như trái mít trên cây/ Một trăm quân tử đến đây hưởng mùi”. Đối lập với áp chế lí trí của xã hội, phụ nữ gắn gũi với cỏ cây trong vẻ đẹp bản thể tự nhiên. Gắn với cây cỏ, vẻ đẹp thân thể hiện lên ở bộ phận nữ tính với sự thánh thiện tự nhiên, họ mới chính là mình: đam mê, quyến rũ và mơn mớn sức sống, là đối tượng của tình yêu đích thực ở nam giới, giúp họ thăng hoa và hạnh phúc. Vẻ đẹp thân thể của phụ nữ gắn với cỏ cây phải chăng mang giá trị gắn với văn hóa truyền thống: Biểu tượng của tín ngưỡng phồn thực, một tín ngưỡng tối cổ của người Việt. Giá trị đó phải chăng là mầm sống của ý thức chống lại sự coi trọng thân thể đàn ông của xã hội Nho giáo “trọng nam khinh nữ” trong ca dao.

3.2.2. Cỏ cây biểu tượng cho cuộc đời người phụ nữ

Cỏ cây có quá trình sinh trưởng tự nhiên từ nảy chồi, nở hoa, kết trái, tàn rụng. Quy luật sinh trưởng đó có quan hệ mật thiết với cuộc đời gặp ghềnh lên xuống của người phụ nữ. Hình ảnh lúa nếp tơ trong bài ca sau ví như vẻ đẹp thanh xuân, tràn đầy sức sống của người thiếu nữ: “Thân em như lúa nếp tơ/ Xanh cây tốt rễ, phơn phơ phơi màu”. Như cỏ cây, cuộc đời của người phụ nữ xưa luôn lệ thuộc vào kẻ khác và chịu trói buộc bởi gia đình. Khi người con gái đang độ thanh xuân bị trói buộc bởi cha mẹ: “Em như quả bí trên cây/ Dang tay mẹ bứt những ngày còn non”, “Má mong gả thiếp về vườn/ Ăn bông bí luộc dưa hường nấu canh/ Dưa hường nấu với cá chuồn/ Đến đây em phải bán buồn mua vui”. Khi họ bước vào hôn nhân thì lệ thuộc vào người chồng, mà họ chỉ biết trách thầm, chấp nhận: “Khế rụng bờ ao anh ước ao anh muốn lượm/ Ngọt như

cam sành rụng cuống anh chê/ Khế rụng bờ ao, thanh thao anh lượm/ Ngọt như cam sành, héo cuống anh chê”, “Trách lòng tham đó bỏ dăng/ Thấy lê quên lựu thấy trắng quên đèn”, “Thân em như miếng cau khô/ Kê thanh tham mỏng, người thô tham dày”. Qua ca dao, có thể thấy giữa phụ nữ và tự nhiên luôn có sự tương đồng trong cách bị đối xử: “số phận người đàn bà là phục tùng, là bị chiếm hữu, bị khai thác như giới tự nhiên mà mình là hiện thân của sự phì nhiêu huyền diệu bị khai thác” [18, tr.98]. Cỏ cây trong ca dao còn tượng trưng cho thân phận mỏng manh, bị xô đẩy trong cuộc đời của phụ nữ hay là thân phận phụ thuộc, cuộc đời của họ do người khác định đoạt, tùy thuộc vào sự đánh giá, quan niệm và sở thích của người khác: “Thân em như thể bèo trôi/ Sóng dập gió dồi biết ghé vào đâu”, “Thân em như thể cánh bèo/ Ngược xuôi ngược theo chiều gió trôi”, “Thân em như trái bần trôi/ Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu”, “Thân em như dây bìm bìm/ Rủi khi rào ngã ai tìm chi em”. Người phụ nữ ý thức được thân phận thụ động của họ, từ tuổi trẻ, tình yêu, hôn nhân đang hạnh phúc, vui tươi bước sang bi kịch, tàn héo: “Cúc đang xanh, sao cúc vội tàn/ Kiêng đang xanh, sao kiêng héo, em hỏi chàng tại ai?/ Mặt nhìn, lụy nhỏ hàng hai/ Cúc tàn, kiêng héo tại hai đứa mình”, “Thân thiếp như cánh hoa đào/ Đang tươi đang tốt thiếp trao cho chàng/ Bây giờ nhụy rữa hoa tàn/ Vườn xuân nó kém sao chàng lại chề”. Hoa kia chỉ rực rỡ tươi sắc trong khoảnh khắc ngắn ngủi rồi tàn tã rơi đi như nhan sắc của người con gái dễ già nua theo năm tháng. Hình ảnh “nụ tầm xuân xanh biếc” trong lời ca: “Trèo lên cây bưởi hái hoa/ Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân/ Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc/ Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay!” thể hiện sự tiếc nuối cho người con gái đang độ xuân xanh mà phải đi lấy chồng, để rồi lỡ hẹn với tình yêu. “Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc” như cái tuổi đời của cô gái, đang xanh non, hay ám chỉ cuộc hôn nhân “xanh biếc” (chứ không phải màu hồng) của người con gái. Cỏ cây trong cuộc đời hôn nhân của người phụ nữ có một vai trò tượng trưng hết sức quan trọng. Trong buổi hẹn hò, cây cỏ như vật tượng trưng cho tình cảm thắm thiết của đôi trẻ, sắc xuân tràn trề của thời con gái: “Trầu này trầu quế, trầu hồi/ Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình/ Trầu này trầu tính, trầu tình/ Trầu nhân trầu ngãi, trầu mình lấy ta”, “Ra vườn hái quả cau xanh/ Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trầu”, “Thương nhau cau sáu bỏ ba/ Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười”. Hình ảnh cô gái mời trầu trong buổi thanh tân thật duyên dáng, trầu cau biểu hiện thái độ kín đáo, tế nhị ứng thuận trước chàng trai, trầu cau như lời hẹn ước của tình yêu đôi lứa. “Tục lệ xưa, người con gái đã “thương thầm” chàng trai nào thì chấp nhận ăn miếng trầu do họ mời, cầm bằng không thì thẳng thùng từ chối” [19, tr.69-70]: “Đi đâu cho đỡ mồ hôi/ Chiếu trái không ngồi, trầu để không ăn - Thừa rằng bác mẹ em răn/ Làm thân con gái chớ ăn trầu người”. Sau buổi hẹn hò, tình cảm của đôi lứa thêm mặn nồng và tình yêu đến thì đơm hoa kết trái. Gia đình chàng trai sang chơi nhà cô gái, và trong lễ vật phải có “quả cau coi trầu”, nhà gái thì mời trầu nhà trai: “Đôi tay nâng lấy coi trầu/ Trước mời quý khách, sau mời đôi bên/ Nhớ ân kỳ ngộ lương duyên/ Đuốc hoa đành liệu thủy nguyên trúc mai”. Lúc này, trầu cau như vật đính ước của hôn nhân. Cỏ cây còn ẩn dụ cho nỗi niềm tiếc nuối, cay đắng của một tình yêu không đơm hoa kết quả: “Ba đồng một mớ trầu cay/ Sao anh không hỏi những ngày còn không”. Thân phận người phụ nữ được lượng giá bằng “miếng trầu cay” - chua chát, đắng cay. Như cỏ cây với sự di chuyển của bốn mùa, người phụ nữ trải qua những giai đoạn tuổi trẻ, lấy chồng, làm vợ, làm mẹ. Mỗi thời khắc phát sinh đổi thay đều đem đến cho cuộc sống người phụ nữ những ngỡ ngàng, ngạc nhiên và cảm động, cảm xúc về cuộc đời lặng lẽ trôi qua, cảm nhận về cây cỏ như bóng dáng đời người vậy. Hình ảnh người mẹ già, tóc bạc, da mồi chân chắt, mộc mạc, rộng lượng, bao dung với ý chí kiên cường, bất khuất để đứng vững trong phong ba bão táp của cuộc đời: “Mẹ già như chuối ba hương/ Như xôi nếp một, như đường mía lau”. Sự gắn gũi giữa phụ nữ với cỏ cây được biểu thị ngay trong cách so sánh. Ở đây những loài cây cỏ tượng trưng cho vị trí yếu thế trong hôn nhân, thân phận bị phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội xưa, cũng như vai trò của họ trong gia đình.

3.3. Ý thức nữ tính dưới cái nhìn thế giới tự nhiên

Về thế ứng xử giữa người Việt Nam với tự nhiên, Trần Ngọc Thêm khẳng định: “Do sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên dân nông nghiệp có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hòa hợp

với thiên nhiên” [20, tr.17]. Như trên đã thấy, ca dao thể hiện quan niệm về mối quan hệ hài hòa giữa con người Việt Nam với thế giới tự nhiên cây cỏ. Thế giới quan tự nhiên nguyên sơ như thế bộc lộ ý thức nữ tính về tôn trọng tự do, khát vọng tình yêu, tôn vinh phần thực, phản ánh hình tượng người phụ nữ mới mẻ, sống động.

3.3.1. Ý thức tự do

Ca dao người Việt ra đời trong thời kỳ xã hội nam quyền thống trị, với hình thái ý thức chủ lưu “nam tôn nữ ty” cùng ảnh hưởng của quan niệm đạo đức “tam tòng, tứ đức”, phụ nữ phải “phu xướng, phụ tùy”. Người phụ nữ từ vai trò làm chủ trong xã hội mẫu hệ diễn biến thành người phụ thuộc đàn ông, thậm chí đối mặt với nguy cơ bất hạnh bị vứt bỏ, do đó mà nảy sinh những tình cảm bất mãn. Bằng hình ảnh cỏ cây, ca dao xây dựng không gian sống của người phụ nữ là nơi có nhiều nguy cơ, nhưng luôn mang tới sức sống mãnh liệt, dồi dào, tự nhiên, dám phản kháng lại sự trói buộc của lễ giáo nam quyền và định kiến xã hội: “Hoa kia tươi tốt rườm rà/ Tuy rằng tươi tốt nhưng mà ong châm/ Anh ở trong ấy anh ra/ Cớ sao anh biết vườn hoa nhị tàn?/ Hoa tàn nhưng nhị chưa tàn/ Muốn xem chị vén bức màn cho xem”. Ý thức được hạnh phúc của đời mình mà không thể tự quyết là một nỗi đau, sự bất bình nhen nhóm phản kháng: “Rau sam ngắt ngọn còn tươi/ Những nơi em định thì trời không se/ Những nơi chết rập bụi tre/ Nhân duyên chẳng định giờ xe em vào”. Phụ nữ và cỏ cây trong mối quan hệ với nam giới và xã hội thường bị coi là ngoại biên, là đối tượng bên dưới, thậm chí bị bóc lột. Mối tương quan giữa cỏ cây và nữ giới còn thể hiện ở nguy cơ chung là trở thành nạn nhân, gánh nhiều hệ lụy từ việc tàn phá, hủy hoại môi sinh. Khi bị ruồng bỏ, họ gần như mất hết, không có chỗ bầu vùi. Như cải ngồng rau héo, dưa khú, người đàn bà bị chồng chê có còn ai để nương tựa và có còn gì để nói nữa đâu: “Ai làm cho cải tôi ngồng/ Cho dưa tôi khú, cho chồng tôi chê”. Tuy nhiên, khi trở về với thế giới tự nhiên, người phụ nữ trở nên mạnh mẽ, tự tin: “Chồng chê thì mặc chồng chê/ Dưa khú nấu với cá trê ngọt lừ”. Họ có thể nhẫn nại, chịu đựng trong không gian xã hội đàn ông nhưng trong thế giới tự nhiên họ không chịu khuất phục bởi những áp bức. Như cỏ cây, lặng lẽ, dịu dàng, trong tâm hồn họ lại có sức kháng cự mạnh mẽ, một nội lực bất diệt. Khát khao tự do trong họ là bất diệt và thế giới cỏ cây là không gian người nữ thể hiện bản năng, ý thức kháng cự mạnh mẽ nhất trước những áp bức, ràng buộc. Hình ảnh cỏ cây gắn với những ý nghĩ và hành động rất táo bạo của người phụ nữ, thể hiện thái độ dứt khoát, thẳng thắn: “Thieu chi cam chín hồng rim/ Mà biểu em tìm khế rụng bờ ao”, “Đói lòng ăn nắm lá sung/ Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng”. Cỏ cây giúp người vợ trong bài ca dao sau thể hiện cá tính mạnh mẽ và thái độ thẳng thắn dứt khoát trước người chồng không biết trân quý tình nghĩa: “Canh cải mà nấu với gừng/ Không ăn thời chớ xin đừng mĩa mai/ Khuyên chàng đừng ở đơn sai/ Vắng mặt chàng sẽ yêu ai mặc lòng”. Thậm chí, hình ảnh cỏ cây còn cho thấy hành động phản kháng mang tính nổi loạn của người phụ nữ: “Hai tay cầm hai quả hồng/ Quả chất phần chồng quả ngọt phần trai”. Phụ nữ là một nửa của nhân loại, nhưng một nửa này phụ thuộc vào nửa kia, mặc dù trong thực tế xã hội, hai nửa này luôn cần nhau. Sự khác biệt này không phải chủ yếu do nguyên nhân giới tính mà là do nguyên nhân xã hội: “Người ta không phải sinh ra là phụ nữ, mà trở thành phụ nữ” [18, tr.330]. Trong ca dao, phụ nữ và cỏ cây, trong mối quan hệ giữa nam giới và xã hội, được xây dựng là hai thực thể không hoàn toàn bị động; họ không ngừng tranh đấu và không cam chịu làm kẻ bên lề. Đây là sự tri nhận giàu tính nhân văn của dân gian.

3.3.2. Ý thức tình yêu

Chủ đề tình yêu hôn nhân là một nội dung quan trọng của ca dao truyền thống, nó cho chúng ta thấy quan niệm tình yêu của người xưa. Ca dao có 205 bài (chiếm 32,2%) mượn cỏ cây bày tỏ tình yêu lứa đôi: “Sen xa hồ sen khô hồ cạn/ Liễu xa đào liễu ngã đào nghiêng/ Em xa anh như bến xa thuyền...”; thể hiện tình cảm yêu thương của người vợ với chồng mình: “Em nghe anh đau đầu chưa khá/ Em băng đồng chỉ sá hái ngọn lá cho anh xông/ Ước chi nên đạo vợ chồng/ Đổ mồ hôi thì em quạt, ngọn gió lồng thì em che”; hay mượn cỏ cây ẩn dụ cho đức hi sinh cao cả của người vợ

đôi với chồng: “Thương chồng nên phải lội sông/ Vì chồng nên phải ăn ròn bẹ môn”. Họ thể hiện ý thức nữ tính trong tình yêu: “Em như hoa nở trên cành/ Anh như con bướm lượn vành bên hoa”, “Em như cái búp hoa hồng/ Anh giờ tay muốn bẻ về trồng nâng niu”,... Như cỏ cây, họ diễn tả lòng khao khát gần gũi nhau một cách mạnh dạn, chân thành, không ngại ngùng, giấu diếm: “Cây đa trước miếu ai biểu cây đa tàn/ Bao nhiêu lá rụng anh thương nàng bấy nhiêu”; “Em đang dệt vải quay tơ/ Bồng đầu có khách đưa thơ tới nhà/ Hẹn chàng ở gốc cây đa/ Trầu têm cánh phượng ấy là tình em”, “Cây đa cũ, bến đò xưa/ Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ”. Người con gái đang yêu trong ca dao tìm đến cỏ cây như tìm đến sự chân thành nhất trong không khí dân chủ, bình đẳng của đời sống xã hội. Cây đa xanh tốt tỏa bóng hài hòa giữa làng quê đã trở thành nơi hẹn hò, gặp gỡ của bao trai gái, gắn với bao kỉ niệm tuổi thanh xuân. Có thể nói cỏ cây chính là mảnh đất uơm mầm tình yêu, cỏ cây cũng là nơi ghi dấu tình yêu đôi lứa. Trong ca dao truyền thống, nó vừa là hình ảnh vừa là hình tượng nghệ thuật, gánh vác hai nhiệm vụ vừa là nội dung vừa là hình thức nghệ thuật, góp phần mở rộng quan niệm nghệ thuật và nội hàm tình cảm.

Phần lớn ca dao thể hiện phụ nữ trong không gian cỏ cây với các sắc thái của tình yêu đôi lứa không chịu sự trói buộc của đạo đức luân lý, thẳng thắn và dứt khoát gìn giữ bản chất tự nhiên, đầy sức sống. Người phụ nữ trong ca dao mượn hình ảnh cỏ cây để thể hiện khát vọng bộc lộ, nhu cầu dâng tặng trong tình yêu: “Em như trái mít trên cây/ Chờ người quân tử đến đây hưởng mùi”, “Thân em như củ ấu gai/ Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen/ Ai ơi nếm thử mà xem/ Nếm ra mới biết rằng em ngọt bùi”, “Trái cau thiếu lá trầu xanh/ Anh qua đây tưới cho cành lớn mau/ Lá trầu quyến với trái cau/ Đôi ta quấn quýt bên nhau trọn đời”. Cỏ cây thể hiện cảm xúc chân thực, đầy nữ tính. Tình yêu của đôi trẻ trong ca dao chính là sự hòa quyện với thiên nhiên, là sự “đơm hoa kết quả” của tình yêu qua sự “chứng giám” của thiên nhiên tươi đẹp. Họ hồn nhiên, hào sảng như cây trái trĩu cành trong vườn: “Có trầu mà chẳng có cau/ Làm sao cho đỏ môi nhau thì làm”. Trong không gian cỏ cây, người phụ nữ thoát ra khỏi vòng lễ giáo Nho gia, để thực sự sống trọn vẹn với con người mình. Người phụ nữ trong ca dao không còn nấp bóng sau những nhu cầu tình cảm nửa vời hay những tiếng nói gia trưởng của đàn ông, họ cất lên tiếng nói của mình về những nhu cầu cơ bản của con người và của chính họ trong tình yêu: “Thò tay em hái trái khế chua lè/ Nhớ anh em cứ ra hè ngóng trông”, “Em như trái mít chín cây/ Anh như con quạ chờ ngày tới niêm”, “Thiếp xa chàng, hái dâu quên giỏ/ Chàng xa thiếp, cắt cỏ quên liềm/ Thiếp gặp chàng bên hàng bông bụt/ Chàng gặp thiếp nơi gốc sấu đầu/ Nhìn nhau nước mắt thấm bầu/ Bạn về xứ bạn, không biết giải sấu cùng ai!”, “Chiều chiều mang giỏ hái dâu/ Hái dâu không hái, hái câu ân tình”. Thoát ly khỏi luân lý xã hội nam quyền, trong ca dao, cỏ cây với người con gái đang yêu không thuộc mẫu hình phụ nữ thụ động lí tưởng. Như cỏ cây, họ bộc lộ khát khao cháy bỏng, tràn trề của tình yêu chân thành, tha thiết: “Trầu này têm tôi hôm qua/ Giấu cha giấu mẹ, đem ra mời chàng”, “Bốn mùa xuân hạ thu đông/ Thiếp ngồi dệt vải những mong bóng chàng/ Dừa xanh trên bến Tam Quan/ Dừa bao nhiêu trái mong chàng bấy nhiêu”. Cặp từ chỉ số lượng không hạn định diễn tả rất thành công nỗi nhớ nhung vô hạn của “thiếp” khi xa “chàng”. Với hình ảnh cỏ cây, hình ảnh cô gái chủ động bày tỏ tấm lòng nồng nhiệt chân thành với người mình yêu bằng một giọng táo bạo. Sự chủ động trong tình yêu của các thôn nữ khi họ về với thế giới của riêng mình – thế giới cỏ cây.

Mặc dù vậy, người con gái trong ca dao không tùy tiện trao tình cảm của mình cho người khác. Họ thẳng thắn, dứt khoát từ chối dâng hiến cho thứ tình yêu không chân thành: “Ba đồng một mớ rau ngò/ Không mua anh nở nắm vò làm chi”, hoặc dùng lời lẽ đanh chính, nghiêm cần, đúng mực để giữ mình trước tình huống “ép liễu nài hoa” khi “sóng tình đã xiêu xiêu”: “Gặp em giữa chốn vườn đào/ Ướm lời hỏi bạn, nghèo giàu chọn ai?/ Anh đừng vạch vách phá rào/ Vườn quê mới lập, lựu với đào còn non”, “Anh ơi, thương thời thương chứ chẳng đặng ăn nằm/ Cũng như trái lựu chín còn nằm trên cây”. Và họ đủ lí trí, kịp thời nhận ra “chân tướng” đối tượng: “May không chút nữa em làm/ Khoai lang khô xắt lát em tưởng cao ly sâm bên Tàu”. Tình yêu đôi lứa ở đây là bình đẳng, tự do. Người con trai thường phải trải qua rất nhiều khó khăn trở ngại mới có thể làm rung động trái tim người con gái mình yêu. Họ thường phải chịu đựng, đau khổ

trong tình yêu: “Hồi cô gánh nước quang mây/ Cho anh một gáo tưới cây ngô đồng/ Cây ngô đồng cành cao cành thấp/ Ngọn ngô đồng lá dọc lá ngang/ Quả dưa gang ngoài xanh trong trắng/ Quả mướp đắng ngoài trắng trong vàng/ Từ ngày anh gặp được nàng/ Lòng càng ngao ngán dạ càng ngần ngại”, “Mưa xuân lác đác vườn đào/ Công anh đắp đất ngăn rào trồng hoa/ Ai làm gió táp mưa sa/ Cho cây anh đổ cho hoa anh tàn”. Ở đây, cô cây tượng trưng cho thử thách trong tình yêu của nam nhi. Bài ca dao theo lối đối đáp ngâm vịnh, trùng điệp từ ngữ, tô đậm không gian của tình yêu đôi lứa: “Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng/ Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?/ Đan sàng thiếp cũng xin vâng/ Tre vừa đủ lá, non chẳng hỏi chàng?”, “Bây giờ mặt mới hỏi đào/ Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?/ Mặt hỏi thì đào xin thưa/ Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”. Tác giả dân gian tái hiện khung cảnh hẹn hò đầy lãng mạn chỉ có hai người với “đêm trăng thanh”, “vườn hồng” để chàng trai ngỏ lời cùng cô gái. Trước lời tỏ tình nghiêm túc, chân tình của chàng trai, cô gái hỏi âm bằng câu trả lời rất đối chân thành và có duyên, hài hòa với ý tứ mà chàng trai đã hỏi: “Đan sàng thiếp cũng xin vâng/ Tre vừa đủ lá, non chẳng hỏi chàng?”, “Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”. Gắn với cô cây, phụ nữ cho thấy sự chủ động, có duyên và phần nào cho thấy vị trí của họ trong tình yêu. Với hình ảnh cô cây, ca dao phản ánh một cách sinh động ý thức nữ tính trong văn hóa Việt Nam truyền thống, hoàn toàn khác với văn hóa Nho giáo.

3.3.3. Ý thức sinh sản

Trong tự nhiên, phụ nữ giữ vai trò cân bằng sinh thái: thực hiện thiên chức vĩ đại mà tạo hóa đã ban tặng - làm mẹ. “Trong văn hóa truyền thống, nhân loại luôn ví người Mẹ với Trái đất” [17, tr.27]. Ca dao phản ánh năng lực sinh sản và che chở, chăm sóc con cái của phụ nữ và điều này có điểm tương đồng với cô cây. Do chức năng là lưu truyền nòi giống mà họ được tôn kính và sùng bái. Ca dao thể hiện ý thức của người dân đối với thiên chức, trách nhiệm của người phụ nữ: “Hai núm như hột đào lông/ Là người mẫn đẽ chiêu chồng khỏi chê”. Bắt đầu từ thế giới tự nhiên - tạo hóa sinh ra những loại cây, hoa đẹp đẽ - rồi mới bước qua thế giới của loài người - trong thế giới loài người từ tổ tiên ông bà, tới thế hệ cha mẹ, rồi tới nhân vật chính – “mình”. Điều này một mặt gắn với nền văn hóa sản xuất lúa nước của người Việt xưa: “Trời cho được mùa, gái có con sai”. Đặc biệt trong xã hội xưa, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở tình trạng thấp, tình trạng sinh sản của phụ nữ càng được coi trọng. *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, một bộ luật lớn nhất của nền cổ luật Việt Nam, quy định việc sinh đẻ con cái là mục đích chủ yếu của hôn nhân [21, tr.39]. Quyền làm vợ và quyền làm mẹ là bình diện tự nhiên tối thượng để họ là phụ nữ. Là người duy trì và nuôi dưỡng sự sống, phụ nữ cũng có lúc bất hạnh: “Có chồng mà chẳng có con/ Khác nào hoa nở trên non một mình”. Thậm chí, người phụ nữ không con bị rẻ rúng, khinh khi: “Cây khô không lộc, gái độc không con/ Được bạc thì sang, được vàng thì lụn bại”. Trải nghiệm làm mẹ không chỉ trong quan hệ với chồng mà còn chủ yếu là với con. Vai trò của người mẹ rất quan trọng bởi theo Beauvoir, người mẹ cũng là một “giống loài” của tự nhiên, có chức năng y như Mẹ thiên nhiên mà duy chỉ “giới thứ hai” mới có được “quyền năng” đặc biệt này: “Người mẹ là cái rễ cắm sâu trong lòng vũ trụ, và hút nhựa của vũ trụ, là cái giếng phun ra dòng nước sống vốn là một dòng sữa nuôi dưỡng, một dòng suối nóng, một lớp bùn làm bằng đất và nước, giàu những sức lực sinh sản” [18, tr.187]. Như cô cây bị suy kiệt khốc liệt bởi bàn tay tàn phá của con người, người mẹ tảo tần, vất vả, “héo hon” bởi những đứa con: “Bao năm gian khổ héo hon/ Mẹ luôn cam chịu nuôi con nên người”,... Nhưng mẹ luôn dành tình yêu vô bờ cho con: “Con cò lặn lội bờ sông/ Mẹ đi tưới nước cho bông có đài/ Trông trời, trông nước, trông mây/ Trông cho lúa chín, hột sây nặng nhành/ Trông cho rau muống mau xanh/ Để mẹ nấu một bát canh đậm đà/ Mát lòng sau bữa rau cà/ Cho con mau lớn, việc nhà con lo”. Người mẹ và thiên nhiên vẫn luôn “dang rộng bàn tay” đầy bao dung, vị tha cho những lỗi lầm về sự vô tâm, hồ hững và cả những sự ích kỉ cá nhân của con người: “Trái bầu trái bí còn non/ Cầm dao cắt ruột, bỏ con sao đành”, “Sinh con ai nở sinh lòng/ Sinh con ai chẳng vun trồng cho con”. Ca dao cũng đã minh chứng được vẻ đẹp trong tâm hồn của người phụ nữ xuất phát từ sự bao bọc, sẻ chia. Dường như giới nữ luôn tìm thấy niềm vui và ý nghĩa sống từ việc sống hài hòa với tự nhiên.

4. Kết luận

Như trên đã nói, trong ca dao truyền thống chúng ta thấy một sự hòa hợp giữa hình tượng cỏ cây và người phụ nữ. Hình tượng này cho thấy nhiều sắc màu phong phú của đời sống văn hóa nông nghiệp của người Việt Nam xưa. Cỏ cây trong ca dao người Việt không chỉ là một sự vật của tự nhiên, mà nó còn có hàm ý văn hóa sâu xa. Môi trường sinh trưởng của cây cỏ trên mảnh đất Việt từ ngàn xưa với đặc tính của mình là mảnh đất nảy sinh ý thức nữ tính trong xã hội nam quyền. Người phụ nữ và điển ngôn nữ tính thông qua hình tượng cỏ cây được thể hiện một cách sinh động. Mỗi liên hệ mang tính đặc thù của cỏ cây và nữ giới là cội nguồn tư tưởng nhân văn cho văn học hậu thế, là hình mẫu của sự hòa hợp cộng sinh giữa con người với tự nhiên. Soi chiếu bởi lý thuyết nữ quyền sinh thái, ca dao truyền thống hiện lên lấp lánh giá trị nhân văn bởi những tầng ý nghĩa về mối quan hệ giữa nữ giới và cỏ cây (tự nhiên). Dân gian đã kiến tạo lên một không gian thẩm mỹ riêng biệt, là màu sắc độc đáo trong vườn hoa văn chương truyền thống Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. T. Dang, "Nature plants fields and gardens in the Northern Vietnam Delta region lyrical folk songs," *Journal of Culture and Arts*, vol. 6, pp. 35-42, 2005.
- [2] T. K. N. Nguyen, "The beauty of nature and landscape in traditional folk songs," *Journal of Culture and Arts*, vol. 635, pp. 7-11, 2014.
- [3] T. K. N. Nguyen, "The symbol of nature depicted in the folksongs of the Central VietNam," *Journal of Theory and Criticism of Literature and Arts*, no. 4, pp. 23-31, 2014.
- [4] V. T. Trinh, "Flower symbol in Vietnamese folk songs," *Journal of Culture and Arts*, vol. 387, pp. 7-11, 2016.
- [5] T. Q. H. Ha, "Agricultural culture in proverbs and folk songs about production labor," *The Holy Land of Viet Nam Studies*, 2019. [Online]. Available: <https://thanhdiavietnamhoc.com/van-hoa-nong-nghiep-trong-tuc-ngu-ca-dao-ve-lao-dong-san-xuat/>. [Accessed October 15, 2023].
- [6] T. M. T. Tran, "Metaphor on human beings in Vietnamese folk from cultural perspective," *Language and literature problems*. Hochiminh National University Publishing House, 2020.
- [7] T. T. Q. Ngo, "Reading comprehension of languages and images in Vietnamese folk songs," *Journal of Literary Reseach*, vol. 6, pp. 17-22, 2020.
- [8] T. N. Nguyen, "An insightful study on river culture in folk-songs of lower Mekong Delta, Vietnam," *European Journal of Literary Studies*, vol. 3, no. 2, pp. 120-145, 2022.
- [9] D. L. Le and T. K. O. Pham, "The conceptual metaphor "a women as a plant"," *Language & Life Journal*, vol. 5, no. 325, pp. 34-41, 2022.
- [10] X. K. Nguyen, *Perception of Vietnamese folklore*. Hanoi National University Publishing House, 2012.
- [11] N. P. Vu, *Folk adage, folk songs of Viet Nam*. Hochiminh City Literature Publishing House, 2016.
- [12] V. G. Ninh, *Perception of Nghe An region folklore*. Nghe An Publishing House, 1996.
- [13] N. T. Huynh, *Folk-songs of Six Southern Provinces*. Dong Nai Publishing House, 1998.
- [14] M. T. G. La, *Tien Giang folklore*. Hochiminh City General Publishing House, 2019.
- [15] M. T. G. La, *Ben Tre folklore*. Hochiminh City General Publishing House, 2021.
- [16] M. T. G. La, *Tra Vinh folklore*. Hochiminh City National University Publishing House, 2022.
- [17] N. C. Mai, *Southeast Asia Culture*. Vietnam National University Publishing House, Hanoi, 1999.
- [18] S. D. Beauvoir, *The second Sex* (Trans. by T. D. Nguyen and N. T. Doan). Vietnam Women's Publishing House, Hanoi, 1996.
- [19] T. B. Nguyen, *Vietnamese customs and festivals*. Culture Information Publishing House, Hanoi, 2012.
- [20] N. T. Tran, *Finding the cultural identity of Vietnam*. Hochiminh City Publishing House, 2001.
- [21] C. B. Huynh, *Marriage and family in the law of the Nguyen Dynasty*. Thuanhoa Publishing House, Hue, 2005.